TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **15**/2023/HNGĐ -ST
Ngày: 26 - 4 - 2023
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Phương.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Phi Anh;
Bà Trần Thị Thanh Hà.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Ngọc Lâm - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2023, tại Phòng xét xử số 3, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 11/2023/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2023, về việc *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1979, địa chỉ: thôn N, xã T, huyện G, tỉnh Quảng Trị.

Địa chỉ hiện đang cư trú và làm việc ở nước ngoài: 33 L, K, 11900 B, Malaisya; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1979, nơi cư trú: thôn N, xã T, huyện G, tỉnh Quảng Trị; có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:

Chị L và anh Q tự nguyện đến với nhau và kết hôn năm 2002, đăng ký tại UBND xã T, huyện G, tỉnh Quảng Trị. Quá trình sinh sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, dẫn đến cãi vả nhiều lần. Hiện này Chị L đang sinh sống và

làm việc tại Malaisya. Vì vậy, Chị L làm đơn yêu cầu Tòa án được giải quyết cho được ly hôn anh Nguyễn Văn Q.

Về con chung: có 03 con chung gồm cháu Nguyễn Tú Q sinh năm 2003 đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu Nguyễn Thị Tú O, sinh ngày 06/11/2005 Chị L có nguyện vọng chăm sóc nuôi dưỡng; cháu Nguyễn Văn Tuấn A, sinh ngày 28/02/2010 giao cho anh Q chăm sóc nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về nợ chung và tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Nguyễn Thị L đề nghị không tiến hành hòa giải, xin vắng mặt tại các buổi làm việc và xét xử vụ án.

2. Bị đơn anh Nguyễn Văn Q trình bày ý kiến:

Về những nội dung yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L anh Q hoàn toàn đồng ý: Về quan hệ hôn nhân: Anh Q đồng ý ly hôn với Chị L; về nợ chung và tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về con chung: Anh Q đồng ý như yêu cầu khởi kiện của Chị L. Tuy nhiên, hiện nay do Chị L hiện tại đang làm việc ở nước ngoài nếu Tòa án giao các cháu cho anh Q nuôi dưỡng, chăm sóc thì anh Q không yêu cầu Chị L cấp dưỡng nuôi con.

Anh Q đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị cho anh Q được vắng mặt tại các buổi hòa giải cũng như đề nghị xét xử vắng mặt tôi trong vụ án.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và các Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; điểm d khoản 1 Điều 469; khoản 1 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238; Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ khoản 1 Điều 8; khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị L.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Văn Q.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Tú O, sinh ngày 06/11/2005 và cháu Nguyễn Văn Tuấn A, sinh ngày 28/02/2010 cho anh Nguyễn Văn Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Thị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu số tiền 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1.] Về tố tụng:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn Q. Hiện tại nguyên đơn có địa chỉ và cư trú và làm việc ở nước ngoài (Malaisya) theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND tỉnh Quảng Trị.

Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn có đơn đề nghị không hòa giải và xin vắng mặt tại các buổi làm việc và xét xử vụ án. Bị đơn đề nghị được vắng mặt tại các buổi hòa giải cũng như đề nghị xét xử vắng mặt tôi trong vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điểm khoản 1 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đương sự theo quy định.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị L với anh Nguyễn Văn Q là hợp pháp, có đăng ký kết hôn ngày 27/9/2002 tại UBND xã T, huyện G, tỉnh Quảng Trị.

Theo Chị L trình bày: Quá trình sinh sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, dẫn đến cãi vả nhiều lần. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, Chị L đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Q. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Văn Q.

[2.2] Về con chung:

Có 03 con chung nguyên đơn đề nghị đối với cháu Nguyễn Tú Q sinh năm 2003 đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; cháu Nguyễn Thị Tú O, sinh ngày 06/11/2005 Chị L có nguyện vọng chăm sóc nuôi dưỡng; cháu Nguyễn Văn Tuấn A, sinh ngày 28/02/2010 giao cho anh Q chăm sóc nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Tại đơn trình bày nguyện vọng của cháu Nguyễn Thị Tú O cho rằng đã lớn (trên 17 tuổi) nên việc bố mẹ ly hôn cháu ở với ai cũng được; đơn trình bày nguyện vọng của cháu Nguyễn Văn Tuấn A mong muốn được ở với bố vì hiện tại đang còn học tập tại xã T, huyện G.

HĐXX thấy rằng, hiện nay do chị Nguyễn Thị L đang làm việc và cư trú tại Malaisya; việc giao cháu O cho Chị L nuôi dưỡng là không đủ căn cứ pháp lý và ảnh hưởng đến quyền lợi của con. Hiện tại anh Q đang có công việc tại Việt Nam, do đó cần căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình để giao cháu O và cháu Anh cho anh Q chăm sóc, nuôi dưỡng. Sau này, khi Chị L về nước nếu muốn nuôi dưỡng và chăm sóc con chung thì có quyền đề nghị Tòa án có thẩm quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

[2.3]. Về cấp dưỡng nuôi con:

Anh Nguyễn Văn Q trình bày nếu được quyền nuôi con theo quy định của pháp luật thì không yêu cầu Chị L cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX không xem xét.

Chị L có quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; điểm d khoản 1 Điều 469; khoản 1 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238; Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 8; khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Văn Q.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Tú O, sinh ngày 06/11/2005 và cháu Nguyễn Văn Tuấn A, sinh ngày 28/02/2010 cho anh Nguyễn Văn Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Thị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu số tiền 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, đã nộp đủ theo biên lai thu tiền số 0000238 ngày 24/02/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Q.Trị;
- Cục THADS tỉnh Q.Trị;
- UBND xã Trung Giang;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Tổ HCTP;
- Phòng KTNV và THA;
- Lưu HS./.

Trần Văn Phương